

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Số: **5203**/SHTT-CDNH

V/v hướng dẫn xây dựng
Quy chế Quản lý chỉ dẫn địa lý và
Quy chế Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **30** tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố

Nhằm tháo gỡ các vướng mắc của các tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý (CDĐL) và các chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế Quản lý CDĐL và Quy chế Sử dụng NHCN; đồng thời thống nhất cách tiếp cận và phương pháp xây dựng quy chế, bảo đảm việc quản lý và sử dụng CDĐL, NHCN phù hợp với các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, cũng như nâng cao tính khả thi và hiệu quả kiểm soát chất lượng trong thực tiễn, trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ hướng dẫn xây dựng Quy chế Quản lý CDĐL và Quy chế Sử dụng NHCN với các nội dung cụ thể kèm theo công văn này (tài liệu hướng dẫn).

Cục Sở hữu trí tuệ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tham khảo, nghiên cứu tài liệu hướng dẫn để tư vấn, hỗ trợ các tổ chức quản lý CDĐL và các chủ sở hữu NHCN xây dựng, sửa đổi Quy chế Quản lý CDĐL và Quy chế Sử dụng NHCN phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương trên cơ sở cụ thể hoá các nội dung chi tiết của tài liệu hướng dẫn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức quản lý CDĐL và các chủ sở hữu NHCN kịp thời phản ánh về Cục Sở hữu trí tuệ để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Đầu mối tiếp nhận thông tin phản hồi của Cục Sở hữu trí tuệ là Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế (bà Lê Minh Thu, điện thoại: 0904306971, địa chỉ: số 386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội).

Trân trọng./. *shu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- PCCS (để p/h);
- Lưu: VT, CDNH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**
**CỤC
SỞ HỮU
TRÍ TUỆ**
Trần Lê Hồng



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG QUY CHẾ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

(kèm theo Công văn số 5203/SHTT-CDNH ngày 30/12/2025 của Cục Sở hữu trí tuệ)

1. Mục đích và yêu cầu

a. Mục đích

Quy chế Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (Quy chế) được xây dựng nhằm:

- Thiết lập khuôn khổ thống nhất cho việc quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) trong đó làm rõ các tiêu chí chứng nhận, cơ chế sử dụng và kiểm soát NHCN;

- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác, phát triển NHCN.

b. Yêu cầu

Việc xây dựng Quy chế cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Bảo đảm khách quan, minh bạch, có thể kiểm soát và kiểm tra được.

- Nội dung cụ thể, khả thi, dễ áp dụng trong thực tiễn sử dụng và quản lý NHCN, phù hợp với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể, điều kiện sản xuất - kinh doanh và mô hình quản lý thực tế của chủ sở hữu.

- Có sự tham gia, tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hướng dẫn xây dựng một số nội dung cụ thể của Quy chế

a. Quy định chung

- Cần nêu rõ Quy chế dùng để quản lý việc sử dụng NHCN cho những hàng hóa/dịch vụ nào; nếu danh mục dài, nên dẫn chiếu sang phụ lục.

- Đối tượng áp dụng: Cần bao quát đầy đủ chủ sở hữu, đơn vị quản lý (nếu có), tổ chức, cá nhân sử dụng và các bên liên quan.

- Chủ sở hữu NHCN:

+ Cần ghi rõ các thông tin về Chủ sở hữu NHCN bao gồm tên đầy đủ, địa chỉ...

+ Phân biệt chức năng tương ứng với vai trò của chủ thể trong hoạt động quản lý NHCN.

Đối với trường hợp chủ sở hữu NHCN đồng thời là cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp), khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu NHCN, cần phân biệt rõ và quy định cụ thể trong Quy chế sử dụng NHCN giữa: (i) vai trò, chức năng của chủ sở hữu NHCN trong việc quản lý, cấp quyền sử dụng, kiểm soát việc sử dụng và bảo vệ NHCN; và (ii) vai trò, chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Các quy định về quản lý và sử dụng NHCN tại Quy chế sử dụng NHCN là quy định mang tính nội bộ, nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa chủ sở hữu NHCN với tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu cho phép sử dụng NHCN. Các quy định này không phải là quy định về thủ tục hành chính nhà nước, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ hành chính đối với tổ chức, cá nhân theo pháp luật về quản lý hành chính, Quy chế chỉ quy định việc kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ mang NHCN, để bảo đảm

uy tín, danh tiếng của NHCN và quyền lợi chung của các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN.

- Quy chế cần giải thích từ ngữ cốt lõi liên quan để tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng.

b. Tiêu chí chứng nhận và điều kiện sử dụng NHCN

- Để đảm bảo tính tường minh, chủ sở hữu NHCN nên xác định rõ các tiêu chí chứng nhận. Các tiêu chí chứng nhận nên đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tiêu chí chứng nhận nên được quy định rõ tại Quy chế hoặc cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quy chế và là bộ phận không tách rời của Quy chế.

+ Mỗi tiêu chí nên có nội dung rõ ràng, cụ thể; có khả năng đo lường, đánh giá bằng phương pháp định tính và/hoặc định lượng, có căn cứ, tài liệu hoặc phương pháp kiểm chứng, chứng minh, không quy định các tiêu chí mang tính chung chung, cảm tính, không có khả năng kiểm tra hoặc sử dụng thuật ngữ đa nghĩa để dẫn đến cách hiểu khác nhau khi áp dụng.

+ Tiêu chí chứng nhận nên được thiết kế phù hợp với: Tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ; mục tiêu chứng nhận (nguồn gốc, chất lượng, quy trình, an toàn, đặc trưng văn hóa...).

- Yêu cầu đối với chỉ tiêu chất lượng:

Các chỉ tiêu chất lượng nên dựa trên quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành, tiêu chuẩn cơ sở đã được đăng ký hoặc tiêu chuẩn quốc tế được thừa nhận kèm theo tần suất kiểm nghiệm (định kỳ, theo lô, theo mùa vụ hoặc theo đợt đánh giá...). Mọi điều chỉnh, bổ sung tiêu chí chất lượng nên được thống nhất, ban hành bằng văn bản và thông báo kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN để bảo đảm tính minh bạch và dễ áp dụng.

- Yêu cầu đối với quy định về quy trình kỹ thuật bắt buộc (nếu có):

Trường hợp điều kiện sử dụng NHCN yêu cầu hàng hóa, dịch vụ phải được sản xuất hoặc cung ứng theo quy trình kỹ thuật bắt buộc, Quy chế cần đính kèm đầy đủ quy trình kỹ thuật tại Phụ lục của Quy chế; hướng dẫn cụ thể việc ghi chép, lưu trữ hồ sơ sản xuất, nhật ký sản xuất hoặc nhật ký cung ứng dịch vụ để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá và truy xuất nguồn gốc...

- Yêu cầu đối với quy định về tiêu chí chứng nhận nguồn gốc địa lý (nếu có):

Quy chế cần quy định rõ hàng hóa, dịch vụ được sử dụng NHCN có nguồn gốc từ khu vực địa lý xác định theo bản đồ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố có liên quan phê duyệt.

Phạm vi khu vực địa lý cần được xác định cụ thể (tỉnh/thành phố, xã/phường hoặc khu vực sản xuất tập trung...) và thống nhất với nội dung hồ sơ đăng ký NHCN.

- Điều kiện sử dụng NHCN:

Quy chế cần quy định rõ hai nhóm điều kiện bắt buộc:

+ Điều kiện về đáp ứng tiêu chí chứng nhận: Quy chế cần quy định rõ hàng hóa, dịch vụ chỉ được sử dụng NHCN khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chứng nhận được ban hành kèm theo Quy chế.

+ Điều kiện về sự đồng ý của chủ sở hữu NHCN: Việc sử dụng NHCN phải được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu NHCN thông qua Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN hoặc hình thức khác do chủ sở hữu NHCN quyết định.

c. Phương pháp đánh giá các tiêu chí chứng nhận

- Hoạt động đánh giá nhằm xác định việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chứng nhận của hàng hóa, dịch vụ. Hoạt động đánh giá cần bảo đảm tính khách quan, minh bạch; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; không gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN.

- Các phương pháp đánh giá cần quy định rõ việc đánh giá được thực hiện thông qua các phương pháp như: kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến nguồn gốc, chất lượng, quy trình sản xuất..., kiểm tra thực địa tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; thực hiện kiểm nghiệm, phân tích chất lượng... Chủ sở hữu NHCN có thể ban hành quy trình đánh giá chi tiết tại Phụ lục của Quy chế, trong đó: quy định rõ trình tự, nội dung, thẩm quyền đánh giá, tích hợp các phương pháp đánh giá phù hợp với từng nhóm tiêu chí chứng nhận.

d. Quản lý và sử dụng NHCN

- Thủ tục đề nghị sử dụng NHCN cần hướng dẫn rõ: thành phần hồ sơ; biểu mẫu sử dụng, trình tự, cơ chế cấp quyền sử dụng NHCN...

đ) Kiểm tra, kiểm soát

- Quy chế cần quy định rõ cơ chế kiểm tra, kiểm soát (định kỳ, đột xuất), trách nhiệm phối hợp của tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN.

- Tần suất kiểm tra/kiểm soát việc sử dụng NHCN được xác định dựa trên mức độ rủi ro và điều kiện thực tế của từng nhóm hàng hoá, dịch vụ và từng tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN. Việc phân loại tần suất cần xét đến các yếu tố: (i) đặc tính và khả năng biến động về chất lượng của hàng hoá hoặc dịch vụ, trong đó các hàng hoá tươi sống hoặc dễ suy giảm chất lượng cần được đánh giá với tần suất cao hơn; (ii) mức độ rủi ro đối với sức khỏe người tiêu dùng và thị trường, đặc biệt đối với hàng hoá thực phẩm, hàng xuất khẩu hoặc dịch vụ tiếp xúc trực tiếp khách hàng; (iii) năng lực giám sát và điều kiện kiểm soát của chủ sở hữu NHCN, nếu bộ máy kiểm soát chưa hoàn thiện thì tần suất tái đánh giá cần được tăng cường để bảo đảm tuân thủ; (iv) quy mô và mức độ lưu thông hàng hoá trên thị trường, trong đó tổ chức, cá nhân có sản lượng lớn hoặc phân phối rộng cần được kiểm soát thường xuyên hơn; (v) lịch sử tuân thủ của tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN, các trường hợp từng vi phạm hoặc có dấu hiệu rủi ro nên tăng tần suất kiểm tra; và (vi) chi phí và điều kiện thực hiện kiểm nghiệm, đảm bảo cân bằng giữa yêu cầu kiểm soát chất lượng và hiệu quả nguồn lực. Tần suất kiểm soát được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo kết quả giám sát và tình hình thực tế triển khai.

e. Chi phí sử dụng NHCN

Quy chế cần quy định về việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định pháp luật, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan và chịu trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền./.



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG QUY CHẾ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ
(kèm theo Công văn số **5203**/SHTT-CDNH ngày **30**/12/2025)

1. Mục đích và yêu cầu

a. Mục đích

Quy chế Quản lý chỉ dẫn địa lý (Quy chế) được xây dựng nhằm:

- Thiết lập khuôn khổ thống nhất cho việc quản lý, sử dụng và kiểm soát chỉ dẫn địa lý (CDĐL), bảo đảm phù hợp với nội dung và phạm vi bảo hộ theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL;
- Xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động quản lý, kiểm soát và sử dụng CDĐL;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng và khai thác CDĐL, qua đó góp phần phát triển giá trị kinh tế – xã hội của CDĐL theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ uy tín, danh tiếng và lợi ích chung của cộng đồng sản xuất, kinh doanh trong khu vực địa lý tương ứng.

b. Yêu cầu

Việc xây dựng Quy chế cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) và các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Đảm bảo tính thống nhất với Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL và Bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang CDĐL (Bản mô tả);
- Nội dung cụ thể, khả thi, dễ áp dụng trong thực tiễn sử dụng và quản lý CDĐL;
- Có sự tham gia, tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Hướng dẫn xây dựng một số nội dung cụ thể của Quy chế

a. Về quy định liên quan đến sản phẩm, khu vực địa lý và các tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm

Các nội dung này cần trích dẫn hoặc dẫn chiếu đầy đủ, chính xác thông tin đã được xác lập tại Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý và Bản mô tả. Quy chế không được bổ sung, cắt giảm hoặc diễn giải theo cách làm thay đổi nội dung và phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ.

- Về bản chất quyền: Quản lý nhà nước mang bản chất pháp lý – hành chính, gắn với việc thực thi quyền lực công; còn quản trị tài sản CDDL là việc thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với tài sản, không mang tính quyền lực nhà nước.

- Về mục đích hoạt động: Quản lý nhà nước nhằm bảo đảm trật tự quản lý, tuân thủ pháp luật và bảo vệ lợi ích công cộng; trong khi đó, quản trị tài sản CDDL nhằm bảo vệ, duy trì chất lượng, uy tín và khai thác giá trị kinh tế – xã hội của CDDL.

- Về tính chất quy phạm: Các quy định của cơ quan nhà nước có hiệu lực pháp luật bắt buộc chung; trong khi các quy định tại Quy chế chỉ mang tính nội bộ, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng CDDL và các chủ thể có liên quan.

- Về kết quả và hình thức thực hiện: Hoạt động quản lý nhà nước dẫn đến việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quyết định hành chính, cũng như áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm; còn hoạt động quản trị tài sản CDDL được thể hiện thông qua việc ban hành Quy chế, lập danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL, kiểm soát chất lượng, quảng bá, bảo vệ uy tín và danh tiếng của sản phẩm CDDL.

- Về phạm vi tác động: Quản lý nhà nước có phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến toàn xã hội; trong khi quản trị tài sản CDDL chủ yếu tác động trong phạm vi cộng đồng các tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL.

Việc phân định rõ ràng hai nhóm chức năng nêu trên là vấn đề có ý nghĩa then chốt nhằm bảo đảm rằng Quy chế được xây dựng đúng phạm vi, đúng thẩm quyền, tránh sự nhầm lẫn giữa quyền lực quản lý nhà nước và quyền quản trị tài sản CDDL. Sự phân biệt rạch ròi này góp phần làm cho Quy chế trở nên minh bạch, khoa học, khả thi và phù hợp với mô hình quản lý CDDL theo quy định pháp luật hiện hành.

Thứ hai, cần xác định rõ cấu trúc mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý.

Trong mô hình quản lý cần xác định rõ chủ thể quản lý CDDL. Theo đó, cần có một tổ chức quản lý CDDL chuyên trách được giao nhiệm vụ quản lý việc sử dụng CDDL, như hiệp hội ngành nghề, hợp tác xã hoặc tổ chức tập thể phù hợp khác. Tổ chức này cần có tư cách pháp nhân, năng lực tổ chức và triển khai thực hiện, đồng thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc giao nhiệm vụ quản lý theo quy định pháp luật. Theo hướng tiếp cận này, không khuyến khích áp dụng mô hình mà cơ quan quản lý nhà nước đảm nhiệm nhiều vai trò, bao gồm ban hành quy chế quản lý, tổ chức thực hiện quản lý và cấp quyền sử dụng CDDL.

c. Về điều kiện và thủ tục ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

Việc ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL được thực hiện trên cơ sở đánh giá khả năng đáp ứng đầy đủ điều kiện về khu vực địa lý, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm... (phù hợp với Bản mô tả). Thủ tục về ghi nhận, sửa đổi thông tin, xóa tên người sử dụng CDDL cần được quy định công khai, minh bạch,

không phân biệt đối xử. Danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL cần được quản lý, cập nhật thường xuyên. Trong đó, cần lưu ý một số nội dung sau:

- Về điều kiện được ghi nhận sử dụng CDĐL: Quy chế cần làm rõ nguyên tắc chung là tổ chức, cá nhân chỉ được ghi nhận quyền sử dụng CDĐL khi sản phẩm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về danh tiếng, tính chất, chất lượng đặc thù, quy trình kỹ thuật và khu vực địa lý theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL. Việc quy định điều kiện sử dụng không được đặt ra yêu cầu mới hoặc bổ sung điều kiện nằm ngoài phạm vi bảo hộ của CDĐL.

- Về hồ sơ đề nghị ghi nhận sử dụng CDĐL: Quy chế cần quy định tối thiểu các thành phần hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL phù hợp với quy định của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, có thể bao gồm các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất sản phẩm mang CDĐL tại khu vực địa lý tương ứng với CDĐL và các tài liệu cần thiết khác để chứng minh sự phù hợp của sản phẩm với các điều kiện bảo hộ CDĐL. Hồ sơ cần được thiết kế theo hướng đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, đồng thời cho phép tổ chức quản lý CDĐL yêu cầu bổ sung, làm rõ hồ sơ trong trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

- Về trình tự, thủ tục ghi nhận sử dụng CDĐL: Quy chế cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trách nhiệm kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh (khi cần thiết), cũng như thời hạn giải quyết hồ sơ. Danh sách tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng CDĐL cần được cập nhật, quản lý và công bố công khai, nhằm bảo đảm tính minh bạch và thuận tiện trong quản lý, giám sát việc sử dụng CDĐL, đồng thời là nguồn thông tin để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định được các tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL.

- Về cập nhật thông tin và thay đổi nội dung ghi nhận: Quy chế cần quy định cơ chế cập nhật thông tin, yêu cầu tổ chức, cá nhân thông báo kịp thời các thay đổi liên quan và cho phép Tổ chức quản lý CDĐL xem xét, kiểm tra, xác minh khi sự thay đổi có thể ảnh hưởng đến điều kiện sử dụng CDĐL.

- Các trường hợp xóa tên khỏi danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL: Quy chế cần quy định cụ thể các trường hợp bị xóa tên khỏi danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL. Việc xóa tên cần được thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân liên quan và công bố công khai, bảo đảm rõ ràng, khách quan và có căn cứ.

d. Các quy định về kiểm soát chỉ dẫn địa lý:

- Về nội dung kiểm soát: Quy chế cần xác định đầy đủ và rõ ràng các nhóm nội dung kiểm soát bắt buộc, bao gồm: nguồn gốc địa lý của sản phẩm; các tính chất, chất lượng đặc thù; việc tuân thủ quy trình kỹ thuật sản xuất (nếu có); và việc sử dụng các dấu hiệu mang chỉ dẫn địa lý. Các nội dung kiểm soát này cần được xây dựng trên

cơ sở Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDDL và Bản mô tả, không mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi bảo hộ đã được xác lập.

- Về chủ thể và hình thức thực hiện kiểm soát: Quy chế cần quy định rõ trách nhiệm của Tổ chức quản lý CDDL trong việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, đồng thời làm rõ cơ chế giao, thuê hoặc ủy quyền cho tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận phù hợp trong trường hợp Tổ chức quản lý CDDL không trực tiếp thực hiện việc kiểm soát.

- Về kế hoạch, công cụ và kết quả kiểm soát: Quy chế cần quy định trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát CDDL, trong đó xác định rõ nội dung, tần suất, phạm vi, đối tượng và công cụ kiểm soát, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Kết quả kiểm soát cần được lập thành văn bản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan và công bố công khai theo hình thức phù hợp, nhằm bảo đảm tính minh bạch và phục vụ công tác quản lý, giám sát việc sử dụng CDDL.

e. Quy định về Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quản lý, kiểm soát và sử dụng chỉ dẫn địa lý

Quy chế cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể tham gia vào quá trình quản lý, kiểm soát và sử dụng CDDL. Việc quy định quyền và nghĩa vụ cần bảo đảm sự cân đối, tương xứng, trong đó quyền được ghi nhận luôn gắn liền với trách nhiệm cụ thể, tránh chồng chéo hoặc trùng lặp với thẩm quyền quản lý nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với Tổ chức quản lý CDDL: Quy chế cần phân định rõ quyền và nghĩa vụ của Tổ chức quản lý CDDL gắn với chức năng quản trị CDDL như một tài sản. Các quyền cần tập trung vào việc theo dõi, phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với CDDL; tổ chức triển khai các hoạt động bảo hộ, khai thác, phát triển và xúc tiến thương mại CDDL theo quy định. Đồng thời, Quy chế cần làm rõ các nghĩa vụ chủ yếu, bao gồm: ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế; tiếp nhận, ghi nhận và công bố danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL; tổ chức kiểm soát việc tuân thủ các điều kiện về chất lượng; lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với Tổ chức kiểm soát CDDL: Trong trường hợp Tổ chức quản lý CDDL giao, thuê hoặc ủy quyền cho tổ chức khác thực hiện hoạt động kiểm soát, Quy chế cần quy định rõ quyền và nghĩa vụ của Tổ chức kiểm soát CDDL trong phạm vi chức năng kiểm soát, đánh giá, chứng nhận theo thỏa thuận, bảo đảm không gắn với quyền lực quản lý nhà nước và không vượt quá phạm vi được giao, thuê hoặc ủy quyền.

- Đối với tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL: Quy chế cần xác định rõ các quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL gắn với việc sử dụng hợp pháp CDDL, bao gồm:



quyền được ghi nhận sử dụng CDĐL; quyền sử dụng CDĐL; quyền được cung cấp thông tin liên quan đến CDĐL; quyền tham gia góp ý, phản hồi và quyền yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi CDĐL bị xâm phạm. Đồng thời, Quy chế cần quy định đầy đủ các nghĩa vụ tương ứng, trọng tâm là nghĩa vụ tuân thủ Quy chế; thực hiện tự kiểm soát chất lượng; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ; phối hợp với Tổ chức quản lý và Tổ chức kiểm soát CDĐL trong quá trình kiểm tra, giám sát; và thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định của Quy chế./.

I. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hà Nội
2. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
3. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Huế
4. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Đà Nẵng
5. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ
6. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hải phòng
7. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu
8. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên
9. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La
10. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn
11. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh
12. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hoá
13. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An
14. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh
15. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng
16. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang
17. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
18. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
19. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ
20. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh
21. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
22. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình
23. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị
24. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
25. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai
26. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa
27. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
28. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk
29. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai
30. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh
31. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long
32. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp
33. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau
34. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang